

Bản án số:44/2022/HS-PT

Ngày: 11-02-2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội.

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Ông Sỹ Danh Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Hồng Diễm- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Giang Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 289/2021/TLPT-HS ngày 19 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo Phạm Tấn Đ.

Do có kháng cáo của bị cáo Phạm Tấn Đ đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2021/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Tấn Đ, sinh năm: 1983, tại: Đồng Tháp; Nơi cư trú: ấp Tân A, xã Phong H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; con ông Phạm Hồng K và bà Nguyễn Kim P; có vợ và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; Hiện bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và Viện kiểm sát không có kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 27/3/2021, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân báo có người vận chuyển hàng trên xe ô tô, Chi cục Hải quan cửa khẩu Thường P phối hợp với đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Thường P và

Cảnh sát giao thông Công an huyện H truy đuổi đến địa phận khóm Thượng 1, thị trấn Thường T, phát hiện xe ô tô biển số 66A-137.72 đang điều khiển theo hướng huyện H đi thành phố H. Lực lượng Cảnh sát giao thông yêu cầu dừng phương tiện kiểm tra, yêu cầu lái xe Phạm Tấn Đ xuất trình giấy tờ (Giấy đăng ký xe ô tô, giấy phép lái xe), khi kiểm tra phát hiện trên xe ô tô chở nhiều thùng giấy carton, bên trong có chứa thuốc điều lá ngoại gồm: Nhãn hiệu JET, số lượng 1.000 bao, mỗi bao 20 điều, nhãn hiệu HERO, số lượng 1.500 bao, mỗi bao 20 điều.

Tại Bản án số 54/2021/HS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Tấn Đ phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

Áp dụng: điểm b, khoản 1, khoản 4 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Tấn Đ 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Phạm Tấn Đ số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Đến ngày 04/10/2021, bị cáo Phạm Tấn Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Tấn Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng và Bản án sơ thẩm đã nêu. Bị cáo thống nhất với tội danh “Buôn bán hàng cấm” quy định tại điểm b khoản 1, Điều 190 Bộ luật hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo cho rằng mức hình phạt 01 năm tù mà Bản án sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo là nặng, nên bị cáo kháng cáo xin Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo, vì bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo là lao động chính trong gia đình, một mình bị cáo đi làm nuôi mẹ già, vợ và 02 con còn nhỏ, nếu bị cáo đi chấp hành hình phạt tù giam thì không ai chăm sóc cho họ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Đ với tội danh và mức hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo, bị cáo có xuất trình giấy khen của ông Phạm Hồng K là cha bị cáo, Liệt sĩ Nguyễn Văn H là ông ngoại vợ, bị cáo cũng đã nộp tiền phạt. Tuy nhiên, án sơ thẩm đã xem xét nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ đối với bị cáo. Xét mức hình phạt 01 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ

hình phạt, được hưởng án treo của bị cáo Phạm Tấn Đ, giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo không phát biểu tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét xin giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo cho bị cáo.

Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận. Tại lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Tấn Đ đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với biên bản phạm pháp quả tang ngày 27/3/2021, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó đủ cơ sở để xác định: Để có tiền tiêu xài nhanh mà không cần phải bỏ công sức cực nhọc, bị cáo đã vận chuyển thuốc lá nhãn hiệu JET 1000 bao, nhãn hiệu HERO 1500 bao để bán lại kiếm lời, nhưng bị cáo đã bị lực lượng Cảnh sát giao thông Công an huyện H ngự phát hiện bị bắt quả tang trên đường vận chuyển. Bị cáo biết rõ thuốc lá ngoại nhập lậu là hàng cấm, không được phép mua bán, vận chuyển, tàng trữ nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Buôn bán hàng cấm”. Do đó, án sơ thẩm kết tội bị cáo là có căn cứ. Với số lượng hàng cấm lên đến 2.500 bao đây là yếu tố định khung hình phạt ở điểm b khoản 1 Điều 190 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có xuất trình giấy khen của ông Phạm Hồng K là cha bị cáo và bị cáo cũng đã nộp tiền phạt, đây là các tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 2, Điều 51 BLHS, nhưng mức hình phạt 01 năm tù mà Tòa án sơ thẩm xét xử đã là mức thấp nhất của khung hình phạt mà bị cáo vi phạm, các tình tiết giảm nhẹ mới này không đủ điều kiện để xét xử bị cáo ở khung hình phạt liền kề nhẹ hơn nên không áp dụng Điều 54 BLHS cho bị cáo và mức hình phạt 01 năm tù là có cơ sở và phù hợp với tính chất cũng như mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Riêng đối với tình tiết ông ngoại vợ của bị cáo là Liệt sĩ không coi là tình tiết giảm nhẹ.

Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hưởng án treo cho bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về mức hình phạt đối với bị cáo là đúng pháp luật.

Đối với xe ô tô Elentra bị tịch thu, tại phiên tòa bị cáo và chị Tr yêu cầu Tòa án tỉnh xem xét để gia đình có phương tiện tạo nguồn thu nhập lo cho gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy xe ô tô Elentra do bị cáo đứng tên quyền sở hữu, bị cáo đã dùng phương tiện này để vận chuyển hàng lậu, nên cấp sơ thẩm tịch

thu là hoàn toàn có căn cứ. Nếu các đương sự có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại phiên tòa đối với bị cáo Đ là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo Đ phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hưởng án treo của bị cáo Phạm Tấn Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Tấn Đ phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 4 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Tấn Đ 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Tấn Đ phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC- Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- TA-VKS-THADS huyện H;
- CQCSĐT Công an huyện H;
- Bị cáo;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA.TA Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Phước Hội

